

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2025/DS-ST

Ngày: 26/6/2025

V/v “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH TRÀ VINH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Sang

2. Bà Thi Thị Thanh Trúc

- *Thư ký phiên tòa:* Châu Thị Phụng Liên, Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:* Nguyễn Văn Trường – Kiểm sát viên

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2025 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 114/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng góp hội*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị D, sinh năm 1968 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Ngãi Lợi, xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

2. *Bị đơn:* Đặng Thị H, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Ngãi Lợi, xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Phạm Văn T, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Ngãi Lợi, xã Hưng Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của bà Nguyễn Thị D như sau:

Vào ngày 15/8/2018 bà D có tổ chức chơi hội do bà làm đầu thảo, hội 15 ngày khai một lần, số tiền 500.000 đồng. Hội có 15 người tham gia (số phần hội: 36 phần). Bà H tham gia chơi 4 phần. Bà H đóng được 6 kỳ thì lần lượt kêu hốt hết 4 phần hội. Sau khi hốt thì bà H đóng hội chết được 25 lần. Còn nợ lại 11 lần hội chết không đóng, bà D phải đóng thay 11 lần số tiền 22.000.000 đồng (11 lần x 4

phần x 500.000 đồng = 22.000.000 đồng). Bà D yêu cầu bà H trả nhiều lần nhưng bà H không trả nên bà D khởi kiện. Nay bà D yêu cầu bà H và ông T trả 22.000.000 đồng vốn và lãi tính 10%/ năm từ ngày 30/01/2020 cho đến ngày 30/5/2025 số tiền 11.700.000 đồng.

Phía bà Đặng Thị H và ông Phạm Văn T: Tòa án đã triệu tập xét xử nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do cũng không có văn bản trả lời cho Tòa án biết đối với yêu cầu khởi kiện của bà D.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã nhận định:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định. Những vấn đề khác Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự và những người tham gia tố tụng khác từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 68, 70, 71, 74 Bộ luật tố tụng dân sự

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà H trả có trách nhiệm trả cho bà D số tiền 22.000.000 đồng, lãi 11.700.000 đồng. Tổng cộng 33.700.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu buộc ông Phạm Văn T cùng bà H trả nợ cho bà D. Về án phí các đương sự chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương sự “Tranh chấp hợp đồng góp hội”. Bị đơn có nơi cư trú thuộc huyện Châu Thành nên thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan triệu tập xét xử nhiều lần nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự đủ căn cứ để xét xử vắng mặt đương sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D. Hội đồng xử án xét thấy:

[1] Vào ngày 15/8/2018 bà D có tổ chức chơi hội do bà làm đầu thảo, hội 15 ngày khai một lần, số tiền 500.000 đồng. Hội có 15 người tham gia (số phần hội: 36 phần). Bà H tham gia chơi 4 phần. Bà H đóng được 6 kỳ thì lần lượt kêu hốt hết 4 phần hội. Sau khi hốt hội bà H đóng hội chết đến lần thứ 25 thì ngưng đóng. Bà D phải đóng thay đến mãn hội là 11 lần số tiền 22.000.000 đồng. Tại biên bản hòa giải ngày 10/01/2024 bà H thừa nhận có tham gia chơi hội do bà D làm đầu thảo và có nợ hội bà D nhưng không nhớ số tiền nợ bao nhiêu. Tòa án đã ra quyết định yêu cầu bà H cung cấp tài liệu chứng cứ hiện còn nợ bà D số tiền bao nhiêu nhưng bà H không thực hiện. Các hội viên trong dây hội ngày 15/8/2018 khẳng định bà H có tham gia chơi 4 phần hội đã hốt và nợ lại bà D 11 lần hội chết là có thật. Qua các chứng cứ nêu trên cho thấy việc bà H có tham gia chơi hội, hốt hội và nợ hội chết bà D 11 lần là có thật. Bà H không trả tiền cho bà D là vi phạm nghĩa vụ trả

tiền làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà D nên bà D khởi kiện yêu cầu bà H trả 22.000.000 đồng và lãi 10%/ năm từ ngày 30/01/2020 đến ngày 30/5/2025 số tiền 11.700.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[2] Đối với yêu cầu buộc ông Phạm Văn T phải cùng bà H trả nợ cho bà D là không có căn cứ chấp nhận. Bởi vì ông T không có tham gia chơi hụi như: khai hụi, đóng hụi...việc tham gia chơi hụi của bà H ông T không biết cũng không có tham gia mà giấy hụi do bà D tự ghi tên Tư T. Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phù hợp với nhận định Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu án phí 5% đối với số tiền phải trả cho bà D.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; 147; 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần khởi kiện của bà Nguyễn Thị D. Không chấp nhận yêu cầu buộc ông Phạm Văn T cùng bà H trả nợ cho bà D.

Buộc bà Đặng Thị H phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị D số tiền 22.000.000 đồng, lãi 11.700.000 đồng. Tổng cộng 33.700.000 đồng.

Khi án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án dân sự, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án dân sự còn phải trả lãi của số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Đặng Thị H nộp 1.685.000 đồng. Bà D được miễn nộp tạm ứng án phí, án phí vì có thân nhân là liệt sĩ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận gia đình liệt sĩ.

Án xử công khai. Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại phúc thẩm. Riêng các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

Đỗ Thị Thu Hằng